

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-PT

Ngày: 03 – 03 - 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* - **Ông Nguyễn Hồng Thanh**

- *Các Thẩm phán:* - **Ông Võ Hoàng Khải**

- **Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú**

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Lê Nam** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:* **Bà Phùng Bích Tuyền** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 161/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Minh D – chức vụ: Tổ trưởng tổ khách hàng phòng giao dịch Tân Phú Thạnh - Chi nhánh Hậu Giang – Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L (theo Giấy ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD, ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L và Giấy ủy quyền số 313/2019/QĐ-LienVietPostBank.HG, ngày 17/5/2019 của Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L chi nhánh tỉnh Hậu Giang).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Q và bà Ngô Ngọc S; cùng địa chỉ: ấp 3A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L (sau đây gọi tắt là Ngân hàng L) trình bày: Giữa Ngân hàng L với ông Nguyễn Thành Q, bà Ngô Ngọc S có ký kết 02 Hợp đồng tín dụng, cụ thể:

1. Hợp đồng tín dụng số HDTD801201703082 ngày 22/9/2017 với nội dung ông Q, bà S vay của Ngân hàng L số tiền là 40.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn nuôi heo, thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày nhận nợ, phương thức cho vay từng lần, lãi suất cho vay trong hạn là 13%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn, kỳ hạn trả lãi: 03 tháng một lần, kỳ hạn trả gốc: trả cuối kỳ, ngày trả nợ cuối kỳ vào ngày 22/8/2018.

2. Hợp đồng tín dụng số HDTD801201703084 ngày 22/9/2017 với nội dung ông Q, bà S vay số tiền là 40.000.000 đồng, mục đích vay là mua sắm đồ gia dụng, thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày nhận nợ, phương thức cho vay từng lần, lãi suất cho vay trong hạn là 13,5%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn, kỳ hạn trả lãi: 03 tháng một lần, kỳ hạn trả gốc: trả cuối kỳ, ngày trả nợ cuối kỳ vào ngày 22/8/2018.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng thì ông Q, bà S đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết, không thanh toán nợ gốc cuối kỳ cho ngân hàng. Ngân hàng L yêu cầu ông Q, bà S thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hai hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 31/8/2018 tổng số tiền 82.141.013 đồng và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi ông Q, bà S trả hết nợ cho ngân hàng.

- Bị đơn Nguyễn Thành Q, bà Ngô Ngọc S vắng mặt trong quá trình giải quyết sơ thẩm nên không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Q, bà Ngô Ngọc S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L số tiền tổng là 89.284.718 đồng. Trong đó;

- Hợp đồng tín dụng HDTD801201703082 ngày 22/9/2017 mà ông Q, bà S phải trả là: 41.998.551 đồng (trong đó nợ gốc: 39.999.988 đồng và nợ lãi là 1.998.563 đồng).

- Hợp đồng tín dụng HDTD801201703084 ngày 22/9/2017 mà ông Q, bà S phải trả tổng số tiền 47.286.167 đồng (trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.115.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.171.167 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L về yêu cầu tính lãi suất của Hợp đồng tín dụng số HDTD801201703082 ngày 22/9/2017 tính đến ngày 29/5/2019, tổng tiền nợ lãi 6.954.933 đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn: 4.868.609 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.086.324 đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đăng báo, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 27/6/2019, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 13%/năm theo Hợp đồng tín dụng số HDTD801201703082 đã ký kết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số HDTD801201703082 đã ký kết là 13%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết theo quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2]. Đơn kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L là phù hợp với quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 nên được xem là hợp lệ.

[3]. Xét kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận mức lãi suất 13%/năm đối với hợp đồng tín dụng số HDTD801201703082, ngày 22/9/2017:

[3.1]. Giữa Ngân hàng L với ông Q, bà S có ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD801201703082, ngày 22/9/2017. Theo nội dung hợp đồng tín dụng số HDTD801201703082 thì ông Q, bà S vay của Ngân hàng L số tiền là 40.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn nuôi heo, thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất cho vay trong hạn là 13%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn, kỳ hạn trả lãi: 03 tháng một lần, kỳ hạn trả gốc: trả cuối kỳ, ngày trả nợ cuối kỳ vào ngày 22/8/2018. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Q, bà S đã không thực hiện trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng L khởi kiện yêu cầu ông Q, bà S thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ.

[3.2]. Về lãi suất, Hợp đồng tín dụng số HDTD801201703082 được ký kết thể hiện lãi suất trong hạn là 13%/năm. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng việc Ngân hàng L

áp dụng lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là chưa đúng vì ông Q, bà S thuộc trường hợp được hưởng lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Xét thấy, theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN thì khách hàng là cá nhân, nếu muốn được hưởng lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN thì phải được tổ chức tín dụng đánh giá là có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh và theo quy định tại phụ lục 8 Thông báo số 9346/2017 của Ngân hàng L thì khách hàng là cá nhân phải được Ngân hàng xếp hạng tín dụng là AAA và không có dư nợ từ nhóm 2 trở lên tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào khác trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm xét duyệt khoản vay thì mới được xem là có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh. Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng cung cấp phiếu thông tin xếp loại khách hàng cá nhân thể hiện ông Q được xếp hạng tín dụng BBB, không đủ điều kiện để được áp dụng mức lãi suất cho vay theo khoản 2 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Mặc khác, đây là giao dịch dân sự được giao kết trên sự tự nguyện của các bên, khi giao kết hợp đồng tín dụng thì ông Q, bà S đều thống nhất với mức lãi suất 13%/năm và mức lãi suất này cũng không trái quy định pháp luật nên có giá trị thực hiện giữa các bên. Trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đến khi Tòa án giải quyết vụ án thì ông Q, bà S cũng không có khiếu nại hay phản đối gì đối với việc ngân hàng áp dụng mức lãi suất 13% năm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất theo mức 13%/năm đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD801201703082 ngày 22/9/2017 của phía ngân hàng là chưa phù hợp.

[3.3]. Từ những nhận định tại mục [3.2], xét thấy kháng cáo của Ngân hàng L là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Theo hồ sơ vụ án và trình bày của đại diện Ngân hàng L tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện Ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Ngô Ngọc S đứng tên chủ sử dụng. Đại diện Ngân hàng L việc ngân hàng giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giữ hộ, khi nào khách hàng thanh toán xong các khoản nợ sẽ trả lại. Do đó, Ngân hàng L có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S khi bị đơn thanh toán tất nợ.

[5]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6]. Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Áp dụng: Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Q, bà Ngô Ngọc S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L số tiền là 94.241.088 đồng. Trong đó,

- Hợp đồng tín dụng số HDTD801201703082 ngày 22/9/2017: Nợ gốc là 39.999.988 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.868.609 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 29/5/2019 là 2.086.324 đồng, tổng cộng là 46.954.921 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số HDTD801201703084 ngày 22/9/2017: Nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.115.000 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 29/5/2019 là 2.171.167 đồng, tổng cộng là 47.286.167 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo (ngày 30/5/2019) cho đến khi thi hành án xong, bị đơn ông Q, bà S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L.

4. Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L có nghĩa vụ trả lại cho bà Ngô Ngọc S Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00351 ngày 27/5/2014 do bà Ngô Ngọc S đứng tên chủ sử dụng ngay sau khi ông Q và bà S trả tất nợ.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Q, bà S phải chịu: 4.712.054 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L được nhận lại 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0018636 ngày 28/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm không ai phải chịu. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021674 ngày 05/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

6. Về chi phí đăng báo: Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L phải chịu 4.321.500 đồng (đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 03/3/2020./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh